TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 204/2019/DS-PT
Ngày: 18-11- 2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019 và ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 198/2019/TLPT-DS ngày 17/10/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST, ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2019/QĐ-PT ngày 17/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bạch T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số 63/3A Lê Văn Nh, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bạch T: Bà Huỳnh Hồng D, sinh năm 1956. Địa chỉ trường trú tại số 55, TĐT, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nhựt Q, số công chứng 531, quyển số 01TP/CC – SCC/HĐGĐ ngày 12/7/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972;

HKTT: Số 456/7, tổ 6, khóm TK 4, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Số 467/7A HHH, khóm TK 4, phường MH, TP LX, An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H: Ông Trần Đức N, sinh năm 1951; cư trú: Số 46/3, PBC, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nhựt Q, số công chứng 624, quyển số 01TP/CC – SCC/HĐGĐ ngày 20/8/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2018 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Hồng D trình bày:

Bà T và bà H quen biết với nhau thông qua bà L làm chung cơ quan với bà T. Bà T có cho bà H vay tiền, vàng nhiều lần thể hiện qua 07 biên nhận trong các ngày 20/01/2010; 02/5/2010; 23/6/2010; 06/7/2010; 11/9/2010; 22/9/2010 và ngày 22/11/2010 với tổng số tiền là 166.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 (tương đương 7.360.000 đồng), tổng cộng 173.360.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng, không thời hạn vay, khi nào trả thì thông báo trước 01 tháng hoàn lại đủ. Khi vay, bà H viết 07 biên nhận nợ đề ngày 20/01/2010; ngày 02/5/2010; ngày 23/6/2010; ngày 06/7/2010; ngày 11/9/2010; ngày 22/9/2010; ngày 22/11/2010 giao cho bà T giữ. Từ khi vay bà H có trả lãi cho bà T số tiền 14.570.000 đồng. Hiện nay bà H chưa trả vốn cho bà T, hiện còn nợ lại số tiền vốn là 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999.

Nay bà Huỳnh Thị Bạch T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà số tiền 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara loại vàng 9999 (tương đương 7.360.000 đồng). Tổng cộng 173.360.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H là ông Trần Đức N cho rằng:* Theo bà H trình bày có trả tiền vốn, lãi nhiều lần cho bà T nhưng không nhớ rõ. Sự việc này bà T có làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố LX ngày 30/6/2015 tổng số tiền là 491.000.000 đồng gồm 33 biên nhận nợ, trong đó có 07 biên nhận nợ do bà H tự viết và có ký tên, tổng số tiền là 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và còn lại 26 biên nhận nợ là do bà T tự viết và tự ký tên, bà H không thừa nhận và không có ký tên.

Sau đó, đến ngày 30/8/2013 (âl) bà H, bà T và bà Ngô Thị Mỹ V(người nhờ bà H vay tiền hộ của bà T) xác nhận chỉ còn nợ bà T 95.000.000 đồng. Số tiền này được bà T đồng ý cho bà H đứng ra lãnh nợ thay cho bà V, bà H trả nợ tiền vốn mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Bà T tự viết Tờ thỏa thuận ngày 30/8/2013 âl (dương lịch ngày nào thì không nhớ) và được bà H, bà T và bà Ngô Thị Mỹ Vcùng ký tên vào tờ thỏa thuận. Theo bà T trình bày, từ khi vay bà H có trả lãi cho bà T số tiền 14.570.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ H đồng ý trả số tiền 95.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị Bạch T theo Tờ thỏa thuận ngày 30/8/2013 (âl).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST, ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố LX:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bạch T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Bạch T số tiền là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bạch T phải chịu 1.959.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu về tiền vốn không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.334.000 đồng (bốn triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008849 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, nên bà Huỳnh Thị Bạch T được nhận lại số tiền 2.375.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2019 bà Huỳnh Thị Bạch T kháng cáo yêu cầu bà H phải trả 166.000.000đồng và 02 chỉ vàng 24kara loại 9999.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận đươc với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phần tranh luận:

Các đương sự không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Ngày 30/8/2013 bà H, bà T, bà V có thỏa thuận thống nhất còn nợ bà T số tiền 95.000.000 đồng và bà T đồng ý cho bà H trả nợ thay cho bà V mỗi tháng 2.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà T không thừa nhận chữ ký chữ viết trong Tờ thỏa thuận ngày 30/8/2013 nên bà H yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không yêu cầu giám định lại.

Tại kết luận giám định số 339/KLGT-PC54 ngày 19/9/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang đã kết luận chữ ký chữ viết Huỳnh Thị Bạch T dưới mục chủ nợ trên tài liệu giám định so với chữ viết chữ ký mang tên bà T trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Do đó, bà T yêu cầu bà H trả 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng là không có căn cứ, cấp sơ thẩm chỉ chấp

nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H phải trả cho bà T 95.000.000đồng là có cơ sở, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà T kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà T:

Bà T khởi kiện yêu bà H phải trả số tiền 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara, chứng cứ bà T cung cấp là 07 biên nhận nợ ngày 20/01/2010; 02/5/2010; 23/6/2010; 06/7/2010; 11/9/2010; 22/9/2010 và ngày 22/11/2010. Phía bà H cũng thống nhất có vay của bà T 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara và thừa nhận 07 biên nhận nợ do bà T cung cấp là do bà H tự viết và ký tên. Tuy nhiên bà H cho rằng đã trả cho bà T được một phần nợ, đến ngày 30/8/2013 bà T và bà H làm đơn thỏa thuận thì bà H chỉ còn nợ 95.000.000đồng, việc thỏa thuận có bà Ngô Thị Mỹ V(chết) chứng kiến, do số tiền bà H vay của bà T cho bà V vay lại.

Về đơn thỏa thuận ngày 30/8/2013 thì tại phiên tòa đại diện cho bà H thừa nhận nội dung do bà H viết, bà T viết và ký tên dưới mục chủ nợ, còn bà T không xác định được có ký tên hay không. Trước đây năm 2015 bà T có khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố LX để yêu cầu bà H và ông Trương Văn Lphải trả 345.000.000đồng, bà H có cung cấp đơn thỏa thuận ngày 30/8/2013. Do bà T không thừa nhận có ký tên vào đơn thỏa thuận trên, nên bà H yêu cầu giám định. Tại kết luận giám định số 339/KLGT-PC54 ngày 19/9/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang đã kết luận chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Thị Bạch T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết tên dưới mục chủ nợ đúng là của bà, cả bà T bà H đều không yêu cầu giám định lại đơn thỏa thuận ngày 30/8/2013.

Tuy bà T thừa nhận chữ ký chữ viết tại đơn thỏa thuận là do chính bà viết và ký tên, nhưng về nội dung thì chỉ nêu chung chung là:*"tôi bằng lòng chấp thuận cho trả các khoản tiền trước đây tôi tính lãi suất 10%, số tiền tổng cộng các biên nhận là 95.000.000đồng"*, chứ không phải bà T chấp nhận cho bà H trả 95.000.000đồng. Hơn nữa, tờ thỏa thuận cũng không thể hiện bà H nợ bà T bao nhiêu, nợ của biên nhận nào, số nợ cấn trừ là bao nhiêu. Ngoài ra, còn có nội dung bà H đứng ra lãnh nợ cho bà V, chứ không phải bà H còn nợ bà T 95.000.000đồng như lời trình bày của bà H.

Vì vậy, không có cơ sở xác định bà T thống nhất khấu trừ cho bà H số nợ của 07 biên nhận ngày 20/01/2010; 02/5/2010; 23/6/2010; 06/7/2010; 11/9/2010; 22/9/2010 và ngày 22/11/2010 mà bà T khởi kiện trong vụ án này. Bà H cho rằng trong tổng số 166.000.000 đồng và 2 chỉ vàng có trả cho bà T một phần, nhưng không được bà T thừa nhận, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ đã trả một phần nợ cho bà T.

Từ nhận định trên cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn thỏa thuận ngày 30/8/2013 xác định bà H chỉ còn nợ bà T 95.000.000đồng là không có cơ sở. Căn cứ vào 07 biên nhận nợ nêu trên, bà T yêu cầu bà H phải trả số tiền 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara loại 9999 là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H phải trả cho bà T 166.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara loại 9999. Không chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà H phải chịu 8.610.000đồng (166.000.000đồng + 6.200.000đồng giá trị 2 chỉ vàng).

Bà T được nhận lại 4.334.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008849 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bạch T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST, ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bạch T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho bà Huỳnh Thị Bạch T số tiền 166.000.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và 02 (hai) chỉ vàng 24 kara loại 9999.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 8.610.000đồng.

Bà Huỳnh Thị Bạch T được nhận lại 4.334.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008849 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Bạch T được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005066, ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Bản án được thông qua tại phòng nghị án).

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND - AG;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng